TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2022**/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2022
Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Ông **Phạm Văn Động**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 27/2022/QĐST-HN&GĐ ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mộng G** - sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thành K** - sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng G trình bày:**

Chị Nguyễn Thị Mộng G và anh Lê Thành K tự quen nhau khoảng 02 năm đi đến chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018, không có đăng ký kết hôn.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu chị G , anh K chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị G , anh K không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, đôi bên thường xuyên cự cãi, thấy chung sống với anh K không có hạnh phúc nên chị G tự ly thân và về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 03/2020 cho đến nay.

- Về con chung: chị G , anh K chung sống có 01 người tên: Lê Thị Kim A , sinh ngày 25/9/2019. Hiện đang sống với chị G .

Tại phiên tòa chị G yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G yêu cầu được ly hôn với anh K .

- *Về con chung:* Chị G yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, đối chất ngày 19/5/2022 bị đơn anh Lê Thành K trình bày: Anh K đồng ý với lời trình bày của chị G về ngày đôi bên chung sống, không có đăng ký hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, có một người con chung, không có tài sản, nợ chung như lời trình bày của chị G là đúng.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K đồng ý ly hôn với chị G .

- Về con chung: Anh K yêu cầu được nuôi con Lê Thị Kim A , sinh ngày 25/9/2019, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: anh K xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Thành K có địa chỉ tại ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G , anh K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…."*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"*.

Chị G , anh K có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng. Nay chị G có yêu cầu ly hôn với anh K . Do đó,

Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa chị G và anh K là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị G , anh K chung sống có 01 người con tên Lê Thị Kim A , sinh ngày 25/9/2019, hiện nay chị G đang nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị G và anh K có tranh chấp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Kim A , sinh ngày 25/9/2019 đến nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi cháu Kim A sinh ra cho đến nay chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu và phù hợp tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình (con dưới 36 tuổi giao cho mẹ nuôi dưỡng). Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị Nguyễn Thị Mộng G tiếp tục nuôi người con Lê Thị Kim A , sinh ngày 25/9/2019, chị G có khả năng nuôi con được, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xứ miễn xét.

Bác yêu cầu xin nuôi con của anh Lê Thành K .

[4] Về tài sản, nữ trang chung: chị G , anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: buộc chị G phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mộng G và anh Lê Thành K là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mộng G tiếp tục nuôi người con tên Lê Thị Kim A , sinh ngày 25/9/2019. Chị G không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Mộng G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Thành K tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung: chị G , anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Mộng G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị G được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006282 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh K vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày anh K nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến